

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE
Bản án số: **157/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 13 - 12 - 2024
Về việc: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Phong

2. Bà Đào Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 559/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 338/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị L, sinh ngày: 24/7/1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã Đ, thành phố M, tỉnh T.

- Bị đơn: Võ Thanh V, sinh ngày: 06/02/1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thới Lợi 2, xã T, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai đề ngày 28/10/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Võ Thanh V cưới nhau năm 2014, kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và vợ chồng ly thân đến nay không có hàn gắn tình cảm. Quá trình chung sống, chị và anh V không có con chung. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Võ Thanh V.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 22/11/2024.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2024, bị đơn anh Võ Thanh V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Chị Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với anh, anh không đồng ý do vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Anh yêu cầu hòa giải và xét xử vắng mặt.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

Chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 22/11/2024. Anh Võ Thanh V có yêu cầu xét xử vắng mặt thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2024 (Bút lục số 25, 26, 31). Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh V là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- **Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị L và anh Võ Thanh V cưới nhau năm 2014, kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị L trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và vợ chồng ly thân đến nay không có hàn gắn tình cảm, mỗi người sống riêng. Anh V trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh vẫn còn thương vợ, nhưng anh V không có giải pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân giữa anh và chị L và hàn gắn tình cảm. Chị L vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh V và chị L không có văn bản thay đổi nào gửi Tòa án. Điều đó chứng tỏ chị L không muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với anh V, hôn nhân giữa chị L và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh V là có căn cứ quy định

tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

Chị Nguyễn Thị L và anh Võ Thanh V khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị L.
2. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Võ Thanh V.
3. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Võ Thanh V khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004141 ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã T (Số 15/2015, quyền số 01/2015 ngày 05/3/2015);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THAD huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương